

Số: 36/2026/CBTT-DRI

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: CBTT Biên bản và Nghị quyết
Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

-----o0o-----

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 10 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA UBCK NHÀ NƯỚC VÀ SGD CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

CÔNG
TY CỔ
PHẦN
ĐẦU TƯ
CAO SU
ĐẮK LẮK

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK
LẮK
DN: C=VN, L=ĐẮK LẮK,
CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ CAO
SU ĐẮK LẮK,
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=
MST:6001271719
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2026.10.22
17:33:13+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2023.2.0

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (DRI)

Trụ sở chính: 59 Cao Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0084-262-3867676 Fax: 0084-262-3865303

Website: www.dri.com.vn Email: dri@dri.com.vn

Mã chứng khoán giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: DRI

Người thực hiện công bố thông tin: **Bà Nguyễn Thị Hải**

Chức vụ: Người phụ trách quản trị công ty – người được ủy quyền CBTT

Điện thoại: 0084-262-3867676

Loại thông tin công bố:

☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk công bố thông tin Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/10/2026 lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua một số vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

Thông tin này đồng thời đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk vào ngày 22/10/2026 tại đường dẫn: <http://www.dri.com.vn> chuyên mục Quan hệ cổ đông/Tài liệu nội bộ.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trên trọng thông báo./.

Đính kèm:

- Biên bản kiểm phiếu ngày 22/10/2026;
- NQ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/10/2026.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT





NGUYỄN THỊ HẢI

Số: 02/NQ-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ngày 22/10/2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Thống nhất sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát.

Điều 3. ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát ký ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và những người có liên quan trong Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành Cty;
- Người QTCT, Thư ký HĐQT;
- CBTT: UBCKNN, HNX, Website Cty;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN MINH



Đắk Lắk, ngày 22 tháng 10 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 09/09/2026 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

Căn cứ Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2026 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk về việc thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,

Hôm nay, vào lúc 09h00 ngày 22/10/2026 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, địa chỉ 59 Cao Thắng, Phường Tân An, Tỉnh Đắk Lắk; số chứng nhận đăng ký kinh doanh 6001271719 do Sở kế hoạch & đầu tư tỉnh Đắk Lắk (nay là Sở tài chính tỉnh Đắk Lắk) cấp ngày 24/2/2012 đã tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với nội dung cụ thể như sau:

I. Thành phần Ban kiểm phiếu:

1. Ông Nguyễn Minh – Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Thạc Hoàn – Trưởng ban kiểm soát - Thành viên
3. Bà Bùi Thị Tuyết Nhung – Thư ký HĐQT, Trưởng phòng HCNSPC - Thành viên

II. Mục đích & Nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Thông qua Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

III. Kết quả kiểm phiếu:

- Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 23/09/2026 là: 5.261 cổ đông, tương ứng tổng số phiếu gửi đi là 5.261 phiếu, với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 73.200.000 cổ phần;
- Tổng số phiếu biểu quyết nhận được đến thời điểm 17 giờ 00 ngày 15/10/2026: 99 phiếu, tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết là 38.301.985 cổ phần, chiếm tỷ lệ 52,33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trong đó, số phiếu gửi qua:

+ *Thư chuyển phát: 0 phiếu*

+ *Email: 0 phiếu*

+ *Gửi trực tiếp: 03 phiếu*

+ *Biểu quyết trực tuyến: 96 phiếu*

- Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ: 99 phiếu, tương đương 38.301.985 cổ phần;

- Tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương 0 cổ phần;

(Phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết đính kèm)

- Thời gian lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: từ ngày 05/10/2026 đến 17 giờ 00 ngày 15/10/2026.

@ Kết quả như sau:

1. Thông qua Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nội dung	Số tờ phiếu lấy ý kiến	Số phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1. Số phiếu hợp lệ	99	38.301.985	100
Phiếu biểu quyết “Tán thành”	91	38.290.690	99,97051
Phiếu biểu quyết “Không tán thành”	01	295	0,00077
Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	07	11.000	0,02872
2. Số phiếu không hợp lệ	0	0	0

Kết luận: Thông qua

2. Thông qua Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Nội dung	Số tờ phiếu lấy ý kiến	Số phiếu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ (%)
1. Số phiếu hợp lệ	99	38.301.985	100%
Phiếu biểu quyết “Tán thành”	92	38.291.290	99,97208
Phiếu biểu quyết “Không tán thành”	01	295	0,00077
Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	06	10.400	0,02715
2. Số phiếu không hợp lệ	0	0	0

Kết luận: Thông qua

IV. Các quyết định được thông qua:

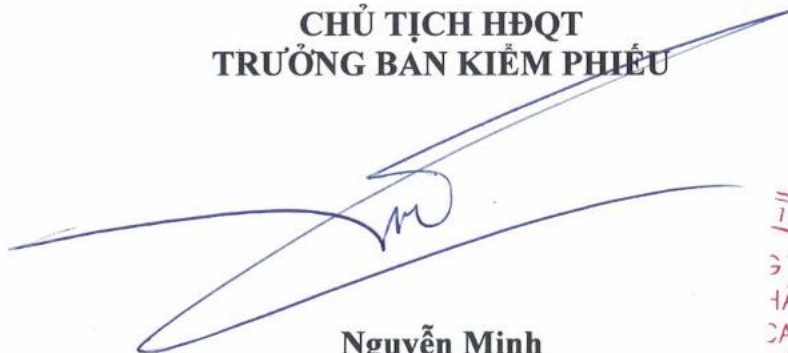
1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của Hội đồng quản trị.

2. Thống nhất sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát.

3. ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành toàn văn Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát ký ban hành toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Biên bản kiểm phiếu được lập xong lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày. Tất cả các thành viên tham gia kiểm phiếu thống nhất với toàn bộ nội dung Biên bản này.

**CHỦ TỊCH HĐQT
TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**



Nguyễn Minh

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng Ban kiểm soát

Thư ký HĐQT



Nguyễn Thạc Hoàn



Bùi Thị Tuyết Nhung



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG
THAM GIA BIỂU QUYẾT LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN NĂM 2026
(Ngày 22 tháng 10 năm 2026)

LIST OF SHAREHOLDERS
PARTICIPATING IN THE 2026 WRITTEN CONSULTATION OF SHAREHOLDERS
(October 22, 2026)

STT No.	Mã cổ đông Shareholder Code	Họ và tên Full Name	Số cổ phần (bao gồm CP ủy quyền) Number of Shares (including proxy shares)
1	DRI-0001	CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐẮK LẮK	32,940,000
2	DRI-0005	Đinh Tiến Thịnh	1,043,600
3	DRI-0008	Trần Văn Tĩnh	923,400
4	DRI-0016	Trương Minh Hoà	450,000
5	DRI-0018	NGUYỄN NGỌC TÙNG	320,000
6	DRI-0021	Nguyễn Thị Thanh Huyền	294,600
7	DRI-0025	Lê Thị Nhiên	254,500
8	DRI-0026	NGUYỄN NGỌC NAM	237,000
9	DRI-0028	Trần Quang Bách	231,000
10	DRI-0037	Vũ Đình Hoàng	168,000
11	DRI-0044	Huỳnh Tấn Thanh	148,000
12	DRI-0056	Nguyễn Độ	112,511
13	DRI-0057	TRẦN PHẠM HẠNH THI	110,800
14	DRI-0059	Đặng Thị Kim Hoa	110,297
15	DRI-0064	Lê Nhựt Quân	101,600
16	DRI-0094	Nguyễn Kim Hoa	73,596
17	DRI-0098	Trần Trí Đức	68,500
18	DRI-0107	Hồng Văn Vít	63,000
19	DRI-0129	NGUYỄN THỊ HẢI	53,000
20	DRI-0144	Phạm Trường Sinh	50,000
21	DRI-0155	Trần Văn Quang	45,800
22	DRI-0174	Hồ Thu Hiền	40,000
23	DRI-0193	PHẠM VĂN TUỜNG	36,200
24	DRI-0215	Vũ Trung Hiếu	30,001
25	DRI-0252	Hồ Thị Thùy Hương	26,022



26	DRI-0255	HỒ NAM PHÁT	25,600
27	DRI-0265	ĐẶNG TUẤN HÙNG	25,000
28	DRI-0287	ĐỖ NGUYỄN VŨ	20,200
29	DRI-0314	Vũ Tuấn Anh	20,000
30	DRI-0315	Đặng Thế Hưng	20,000
31	DRI-0320	DƯƠNG GIA HUY	19,000
32	DRI-0351	Nguyễn Tiến Dũng	15,500
33	DRI-0377	Vũ Đức Tám	15,000
34	DRI-0386	LÊ THỊ HIỀN	14,400
35	DRI-0412	Nguyễn Văn Nam	12,900
36	DRI-0422	Dương Tín Đức	12,000
37	DRI-0489	Lê Minh Nhựt	10,000
38	DRI-0519	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	10,000
39	DRI-0556	Đỗ Thị Ninh	10,000
40	DRI-0596	PHẠM ĐỨC DUY	9,000
41	DRI-0689	NGUYỄN DUY HIỀN	7,000
42	DRI-0724	Nguyễn Sơn Ngọc	6,300
43	DRI-0760	TRƯƠNG LÊ TRÍ	6,000
44	DRI-0776	SHIMOKAWA SHUNICHIRO	6,000
45	DRI-0780	Trần Thị Thu Hồng	5,818
46	DRI-0784	Lê Đăng Nguyễn Hoàng Vũ	5,700
47	DRI-0813	Nguyễn Bá Tùng	5,200
48	DRI-0827	HUỲNH CAO ANH VŨ	5,000
49	DRI-0934	Trần Quang Bách	4,800
50	DRI-0942	Kiều Văn Vân	4,600
51	DRI-0949	Lê Thị Xuân	4,500
52	DRI-0951	NGUYỄN THỊ DUNG	4,500
53	DRI-0956	Thái Khánh Hoài	4,500
54	DRI-0994	Huỳnh Trúc Thanh Càng	4,000
55	DRI-1000	Lê Ngọc Phương Uyên	4,000
56	DRI-1057	TRƯƠNG NAM DŨNG	3,800
57	DRI-1066	BÙI ĐỨC KIÊN	3,600
58	DRI-1088	Trần Lê Tổ Uyên	3,500
59	DRI-1180	NGUYỄN VĂN ĐÔ	3,000
60	DRI-1250	Đỗ Minh Nhật	3,000
61	DRI-1336	Trương Công Trai	2,437
62	DRI-1362	NGUYỄN THỊ THU	2,237
63	DRI-1379	Trần Phương Đăng	2,177
64	DRI-1405	Vũ Đình Quý	2,100
65	DRI-1412	An Ngọc Hoan	2,000

717
GT
HÀ
CA
LÀ
-T.D

66	DRI-1430	Hồ Lê Thảo Vi	2,000
67	DRI-1464	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	2,000
68	DRI-1526	PHẠM THỊ THỦY	2,000
69	DRI-1642	Hoàng Bá Công	1,700
70	DRI-1651	Nguyễn Quang Vinh	1,700
71	DRI-1755	Nguyễn Tuấn Đạt	1,500
72	DRI-1762	TRẦN KHÁNH THỦY	1,500
73	DRI-1782	Huỳnh Lê Minh An	1,404
74	DRI-1811	Lê Hoàng Xuân Thắng	1,373
75	DRI-1820	Hoàng Thiên Ân	1,300
76	DRI-1869	LÊ ĐẮC LIÊM	1,200
77	DRI-1974	Hoàng Phương Linh	1,000
78	DRI-2038	NGUYỄN LÊ HẢI	1,000
79	DRI-2361	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	800
80	DRI-2473	ĐỖ THỊ THU	700
81	DRI-2501	Huỳnh Thị Oanh Kiều	600
82	DRI-2616	HUỲNH PHƯƠNG NHUNG	500
83	DRI-2705	Nguyễn Hồng Quang	500
84	DRI-2708	Nguyễn Quốc Thảo	500
85	DRI-2976	TRƯƠNG TUỆ MÃN	400
86	DRI-3048	NGUYỄN VĂN PHÓNG	302
87	DRI-3172	Nguyễn Trần Quyết	300
88	DRI-3198	Phạm Hoàng Hưng	300
89	DRI-3281	Đào Xuân Trường	295
90	DRI-3322	Bùi Thị Thu Hương	200
91	DRI-3402	NGUYỄN NHƯ HÀ	200
92	DRI-3601	ĐỖ HẢI CHÂU	200
93	DRI-3633	Bùi Công Bửu	162
94	DRI-3673	Võ Văn Hoàng	132
95	DRI-3763	Hoàng Văn Công	100
96	DRI-3890	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	100
97	DRI-3988	Nguyễn Trung Tuấn	100
98	DRI-3997	Nguyễn Văn Phúc	100
99	DRI-4716	Bùi Thị Tuyết Nhung	21

LẬP BIỂU/PREPARED BY

CHỦ TỊCH HĐQT/CHAIRMAN OF THE
BOARD OF DIRECTORS

Bùi Thị Tuyết Nhung

Nguyễn Minh



Số: 37/TTr-HĐQT

Đắk Lắk, ngày 01 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi một số điều của Điều lệ,
Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự (“Luật số 03/2022/QH15”);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 (“Luật số 76/2025/QH15”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 245/2025/NĐ-CP”);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“Thông tư số 116/2020/TT-BTC”);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

1. Nội dung sửa đổi: Theo phụ lục đính kèm theo văn bản này

2. Lý do sửa đổi: Cập nhật, hoàn thiện các quy định về tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty, bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và đáp ứng các yêu cầu liên quan đến hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu DRI tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung trên và giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành toàn văn Điều lệ và các Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN MINH

Phụ lục: Nội dung sửa đổi Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT

(Kèm theo Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026)

1- Điều lệ

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
Điều 1. Giải thích thuật ngữ		Bổ sung các thuật ngữ sau vào khoản 1 Điều 1: - <u>Cổ đông</u> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; - <u>Cổ đông sáng lập</u> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần; - <u>Cổ đông lớn</u> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; - <u>Thời hạn hoạt động</u> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này; - <u>Sở giao dịch chứng khoán</u> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con. - <u>Giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. - <u>Giấy tờ pháp lý của tổ chức</u> là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	<i>Bổ sung theo điều lệ mẫu</i>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn	4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của <u>Đại hội đồng cổ đông</u> ; Hội	4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội	<i>Sửa đổi phù hợp với khoản 4 Điều 2 Điều lệ mẫu.</i>

phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 62 Điều lệ này <u>hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 64 Điều lệ này</u>, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.	đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 62 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.	<i>Sửa đổi cho phù hợp với thời gian hoạt động của Công ty.</i>
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	3. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho <u>doanh nghiệp</u> thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	3. Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho <u>Công ty</u> thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách <u>người yêu cầu giải quyết việc dân sự</u> , nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	<i>Sửa đổi phù hợp với khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp.</i>
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, <u>phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u> 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. <u>Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với Điều 5 Điều lệ mẫu.</i>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</u> 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với</u> quy định của pháp luật.	7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. 8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác <u>theo</u> quy định của pháp luật.	<i>Sửa đổi phù hợp với khoản 7 Điều 6 Điều lệ mẫu.</i> <i>Sửa đổi phù hợp với khoản 7 Điều 6 Điều lệ mẫu.</i>

Điều 12. Quyền của cổ đông	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>nắm giữ</u> từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải <u>thể hiện</u> bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>thẻ căn cước</u>, <u>thẻ căn cước công dân</u>, <u>Hộ chiếu</u>, <u>giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số quyết định thành lập</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu</u> từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản <u>và phải bao gồm các nội dung sau đây</u>: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, <u>số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc <u>số giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	<i>Sửa đổi từ ngữ cho phù hợp với khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu; và bổ sung định nghĩa thuật ngữ Giấy tờ pháp lý của cá nhân/tổ chức tại khoản 1 Điều 1 Điều lệ.</i>
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	<u>13.2.</u> Cổ đông lớn có nghĩa vụ sau đây: a) Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu <u>trực tiếp hoặc gián tiếp</u> từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ Đông lớn theo Phụ lục VII Thông tư 96/2020 ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	<u>13.2.</u> Cổ đông lớn có nghĩa vụ sau đây: a) Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. <u>Cổ đông lớn và nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 96/2020 ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</u> Tổ chức, cá nhân <u>khi</u> trở thành <u>hoặc không còn là</u> Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được <u>đăng ký giao dịch</u> hoặc niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn theo Phụ lục VII Thông tư 96/2020 ngày	<i>Bổ sung cụm từ gạch chân</i>

		16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: r) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>10%</u> của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên BCTC riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất;	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: r) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>30%</u> của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất;	<i>Điều lệ hiện hành: @/Giao dịch thông thường: ĐHĐCĐ $\geq 30\%$ HĐQT $< 30\%$ @/Giao dịch với các bên liên quan ĐHĐCĐ $\geq 10\%$ HĐQT $< 10\%$</i>
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập (chốt danh sách) <u>tối thiểu 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u> . Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông <u>tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</u> ;	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập (chốt danh sách) <u>dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u> . Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông <u>tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng</u> ;	<i>Bổ sung cụm từ gạch chân phù hợp với khoản 21 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15</i>
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục</u> . Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc	<i>Bổ sung cụm từ gạch chân phù hợp với khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu- áp dụng công ty niêm yết.</i>

		nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	
	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của <u>công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.</u> <u>Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</u>	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty như sau: a. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (đối với công ty đại chúng) theo quy định sau: i. <u>Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</u> ii. <u>Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> iii. <u>Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u>	<i>Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 26 phù hợp với Khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025</i>
	Chưa có	b. <u>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết) phải đảm bảo quy định sau:</u> i) <u>Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</u> ii) <u>Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</u> iii) <u>Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội</u>	<i>Bổ sung điểm b vào khoản 3 Điều 26 phù hợp với Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu, để chuẩn bị cho kế hoạch niêm yết cổ phiếu.</i>

		<u>đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</u>	
	8. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.	8. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại quá 05 công ty khác.	<i>Sửa đổi phù hợp với khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.</i>
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác <u>có giá trị nhỏ hơn 30%</u> của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên BCTC riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất <u>và hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 10% của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên BCTC riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất của Doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</u>	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị <u>từ 30% của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều lệ này;</u>	<i>Gộp lại thẩm quyền của HĐQT về thông qua giao dịch thông thường và giao dịch với các bên liên quan từ 30% trở lên nếu thống nhất điều chỉnh mục r, khoản 2, Điều 15 (10% đ/v giao dịch với các bên liên quan)</i>
	m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u> , triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	<i>Bổ sung cụm từ gạch chân cho phù hợp với thực tế hoạt động.</i>
	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025. <u>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có Báo cáo Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh</u>	<i>Bổ sung theo quy định tại Điều 80 Khoản 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP. Áp dụng cho Cty niêm yết</i>

		<u>giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với công ty niêm yết).</u>	
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	2. Người phụ trách quản trị công ty có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.	2. Người phụ trách quản trị công ty phải có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.	<i>Sửa đổi từ ngữ cho rõ nghĩa.</i>
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty;	4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, <u>kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với điều 35 Điều lệ mẫu.</i>
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	Điều 36. Ứng cử, đề cử <u>Kiểm soát viên</u> 1. Việc ứng cử, đề cử <u>Kiểm soát viên</u> được thực hiện tương tự quy định tại <u>khoản 2, khoản 3</u> Điều 25 Điều lệ này.	Điều 36. Ứng cử, đề cử <u>thành viên Ban kiểm soát</u> 1. Việc ứng cử, đề cử <u>thành viên Ban kiểm soát</u> được thực hiện tương tự quy định tại <u>khoản 1 và khoản 2</u> Điều 25 Điều lệ này.	<i>Sửa đổi từ ngữ cho đồng bộ trong Điều lệ và sửa lỗi tham chiếu.</i>
	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	<i>Sửa đổi từ ngữ phù hợp với khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu.</i>
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:	6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các	

quyền lợi	a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn <u>hoặc bằng 10%</u> của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên BCTC riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10% của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên BCTC riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	trường hợp sau đây: a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn <u>30%</u> của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b) Đối với giao dịch có giá trị <u>từ 30% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 30%</u> của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	<i>Sửa thống nhất với các điều trên (giao dịch thông thường = giao dịch với các bên liên quan)</i> <i>Bổ sung phù hợp với khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.</i>
Điều 53. Phân phối lợi nhuận	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hay bằng tài sản khác do ĐHĐCĐ quyết định.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận sau thuế và <u>lợi nhuận được giữ lại</u> của Công ty.	<i>Bổ sung thêm cụm từ gạch chân theo Điều 51 Điều lệ mẫu.</i>
Điều 57. Trích lập Quỹ	Hàng năm, căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của mình, Công ty <u>sẽ trích lập các Quỹ thi đua khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, ...</u> Tỷ lệ trích lập các Quỹ do Hội đồng quản	Hàng năm, căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của mình, Công ty <u>có thể</u> trích lập các quỹ. Tỷ lệ trích lập các Quỹ do Hội đồng quản trị kiến nghị và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. <u>Các</u>	<i>Bổ khoản a để mở rộng cho HĐQT quyết các quỹ khác</i> <i>Bổ sung thêm Quỹ dự</i>

	trị kiến nghị và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Nguyên tắc trích lập các quỹ như sau: a) <u>Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các khoản tổn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.</u> b) <u>Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:</u> - Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 30% của lợi nhuận sau thuế; - Quỹ khen thưởng, phúc lợi; - Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.	<u>quỹ có thể trích lập bao gồm:</u> - Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 30% của lợi nhuận sau thuế; - <u>Quỹ dự phòng tài chính;</u> - Quỹ khen thưởng, phúc lợi; - Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.	<i>phòng tài chính</i>
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	Điều 58. Báo cáo tài chính năm, <u>sáu tháng</u> và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật, <u>trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính.</u> 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. <u>Báo cáo tài chính năm phải phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh một cách trung thực và khách quan về tình hình lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính.</u> 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ	Điều 58. Báo cáo tài chính năm, <u>bán niên</u> và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. <u>Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u> 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. <u>Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</u>	<i>Bổ sung, điều chỉnh theo Điều 55-Điều lệ mẫu</i>

	<u>sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</u>	5. Bãi bỏ khoản 5.	
Điều 60. Kiểm toán	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. <u>Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</u> 3. <u>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u> 4. <u>Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</u>	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. 3. Bãi bỏ. 4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp với Điều 57 Điều lệ mẫu.</i>
Điều 64. Gia hạn hoạt động	1. <u>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</u> 2. <u>Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	Bãi bỏ Điều 64.	<i>Khoản 5 Điều 2 Điều lệ hiện hành quy định thời gian hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</i>

2- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
Điều 2: Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt	d) Cổ đông lớn: là cổ đông <u>hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</u>	d)Cổ đông lớn: cổ đông <u>được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán.</i>
	g) Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác là người được HĐQT cử làm đại diện phần vốn góp của DRI, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại <u>Điều 21 của Quy chế này.</u> Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác có thể tham gia làm thành viên HĐQT, hoặc làm người điều hành do HĐQT Công ty đề cử.	g) Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác là người được HĐQT cử làm đại diện phần vốn góp của DRI, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại <u>Quy chế cử người đại diện phần vốn góp của DRI tại các doanh nghiệp khác.</u> Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác có thể tham gia làm thành viên HĐQT, hoặc làm người điều hành do HĐQT Công ty đề cử.	<i>Điều chỉnh lại tham chiếu</i>
	h) Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI).	h) Công ty <u>hoặc DRI:</u> Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk).	
		j) <u>ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.</u> k) <u>HĐQT: Hội đồng quản trị.</u> l) <u>BKS: Ban kiểm soát.</u> m) <u>TGD: Tổng Giám đốc.</u>	<i>Bổ sung thêm</i>
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp và thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Trình tự, thủ tục họp và thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết <u>bằng hình thức tổ chức cuộc họp</u>	<i>Bổ cục lại các khoản 1 Điều 5 Quy chế và bổ sung làm rõ khoản này theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Sửa tên Điều 5 do bổ cục lại nội dung.</i>
	<u>7. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</u>	<u>Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</u>	<i>Tách khoản 7 của Điều 5 thành Điều 6. Quy định về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</i>
Điều 7. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị	Điều 7. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị Các thành viên HĐQT phải thực thi trách nhiệm của mình theo các nội dung quy định tại các điều 48,49,50 Điều lệ Công ty.	Điều 7. Trách nhiệm của <u>thành viên</u> Hội đồng quản trị - Các thành viên HĐQT phải thực thi trách nhiệm của mình theo các nội dung quy định	<i>Bổ sung từ, cụm từ gạch chân → rõ nghĩa, đầy đủ hơn.</i>

		tại các Điều 48, Điều 49 và Điều 50 Điều lệ Công ty và theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT.	
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị <u>bao gồm các nội dung chính sau đây</u>: 1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị: - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; - <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</u>. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người. Nhiệm kỳ của <u>thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm</u> và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục</u>. - Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. <u>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng thành viên thành viên HĐQT không điều hành (đối với công ty đại chúng) và số lượng thành viên độc lập HĐQT (đối với công ty niêm yết) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty</u>.	<i>Bổ sung thêm cụm từ gạch chân, rõ nghĩa và đầy đủ hơn</i>
	3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị [...] - Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào <u>tỷ lệ phiếu bầu</u> tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. - Trong trường hợp <u>phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì</u>: • Ứng viên được bầu là thành viên độc lập HĐQT sẽ được ưu tiên xét trước theo các tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT (có thể không phải là cổ đông, chưa tham gia làm thành	3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị [...] - Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội sẽ <u>xác định người trúng cử thành viên HĐQT</u> dựa vào <u>số phiếu bầu</u> tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. - Trong trường hợp <u>có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ lựa chọn theo tiêu chí như sau</u>:	<i>Điều chỉnh, bổ sung cụm từ gạch chân cho rõ nghĩa hơn</i>

	viên HĐQT). • Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn. • Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm. - Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.	• Ứng viên được bầu là thành viên độc lập HĐQT sẽ được ưu tiên xét trước theo các tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT (có thể không phải là cổ đông, chưa tham gia làm thành viên HĐQT). • Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn. • Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm. - Trường hợp sau khi lựa chọn theo tiêu chí như trên mà vẫn không có đủ số thành viên HĐQT cần bầu thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau cho đến khi đủ số lượng.	
	4. Các trường hợp từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Chưa có.	4. Các trường hợp từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Bổ sung khoản 4.4 vào sau khoản 4.3 như sau: <u>4.4 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4.1, 4.2 và khoản 4.3 Điều này.</u>	<i>Bổ sung phù hợp với Điều 8 Quy chế hoạt động của HĐQT.</i>
	7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị. [...] - HĐQT sẽ thực hiện việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật. - Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng	7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị. [...] - HĐQT sẽ thực hiện việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật và khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.	<i>Bổ sung làm rõ theo Điều 25 Điều lệ Công ty.</i>

	quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn thiếu sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.	- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn thiếu sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử <u>theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.</u>	
Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị		Bổ sung vào đoạn đầu tiên của Điều 9 nội dung sau: <u>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.</u>	<i>Bổ sung làm rõ theo Điều 28 Điều lệ Công ty.</i>
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	4. Cách thức biểu quyết; - <u>Ngoài quy định tại khoản 9 Điều 30 của Điều lệ, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</u> Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	4. Cách thức biểu quyết - Thành viên Hội đồng quản trị <u>được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT theo các phương thức quy định tại khoản 9 Điều 30 của Điều lệ Công ty. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư,</u> Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 10 Điều 30 Điều lệ Công ty.</i>
	6. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị; [...] - Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ,e,g và h khoản 1 điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với	6. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị [...] - Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự <u>và đồng ý thông qua biên bản họp</u> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa,	<i>Bổ sung cụm từ gạch chân</i>

	doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.	người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.	
		Bổ sung một Điều mới sau Điều 10 nội dung về: <u>Điều 11. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u> <u>Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Việc thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT thực hiện theo Điều 31 Điều lệ Công ty.</u>	<i>Bổ sung thêm điều về Các tiểu ban thuộc HĐQT.</i>
Điều 11. Người phụ trách quản trị Công ty (áp dụng với Công ty niêm yết)	Điều 11. Người phụ trách quản trị Công ty (<u>áp dụng với Công ty niêm yết</u>) <u>Khi cần thiết, HĐQT Công ty bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, để giúp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ về quản trị Công ty.</u> Các quy định về tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản trị Công ty quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.	Điều 12. Người phụ trách quản trị Công ty - HĐQT Công ty <u>phải</u> bổ nhiệm <u>ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty, để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp.</u> - Các quy định về tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản trị Công ty <u>được</u> quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty. - <u>Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</u>	<i>Sửa đổi, làm rõ về người phụ trách quản trị Công ty theo khoản 7 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</i>
Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Chưa có.	Bổ sung thêm trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát như sau: - <u>Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:</u> + <u>Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</u> + <u>Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao</u>	<i>Bổ sung thêm trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát theo khoản 1 Điều 4 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</i>

		<u>một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</u> <u>+ Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</u> <u>+ Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</u> <u>+ Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 173 Luật Doanh nghiệp mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.</u> <u>+ Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</u>	
Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	1. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát:	1. <u>Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát, tiêu chuẩn và điều kiện của Ban kiểm soát</u> Bổ sung thêm nội dung: <u>- Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</u> <u>- Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</u>	<i>Bổ sung thêm cụm từ gạch chân</i>
	2. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	2. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	<i>Điều chỉnh các cụm từ in nghiêng</i>

	- Việc ứng cử, đề cử <u>Kiểm soát viên</u> được thực hiện tương tự như ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại khoản 2, <u>khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty</u>. - Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	- Việc ứng cử, đề cử <u>thành viên Ban kiểm soát</u> được thực hiện tương tự như ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại <u>khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty</u>. - Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. <u>Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	
	3. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát - Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức tương tự như bầu thành viên HĐQT. - <u>Trường hợp không có đủ số thành viên BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.</u>	3. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát - Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức tương tự như bầu thành viên HĐQT. - <u>Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử cho đến khi đủ số lượng cần bầu.</u>	<i>Sửa đổi bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</i>
Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD - Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;	1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD - Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc b) Không được là người có quan hệ gia đình, <u>người có liên quan</u> của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;	<i>Sửa đổi phù hợp với khoản 83 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.</i>
Điều 16. Phối hợp hoạt động	3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm	3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban	<i>Bổ sung thêm những vấn đề cần xin ý kiến Hội</i>

giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị - Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc; - Khủng hoảng và việc xử lý khủng hoảng vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc; - Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan; - Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; - Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.	kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị <u>a) Các trường hợp Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị:</u> - Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc; - Khủng hoảng và việc xử lý khủng hoảng vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc; - Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan; - Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; - Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc. - <u>Khi Ban kiểm soát nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</u> - <u>Các vấn đề khác mà Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát xét thấy có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.</u> <u>b) Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</u> - <u>Các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.</u> - <u>Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.</u> - <u>Các vấn đề khác mà Tổng Giám đốc hoặc Ban kiểm soát nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị.</u> - <u>Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.</u>	<i>đồng quản trị.</i>
---	---	--	------------------------------

	7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên. [...] - Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay với TGD tại các cuộc họp HĐQT về những nội dung cần làm rõ, cần chất vấn,....	7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên Bổ sung thêm các nội dung sau: - <u>Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.</u> - <u>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</u> Sửa đổi nội dung sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> có thể trao đổi ngay với TGD tại các cuộc họp HĐQT về những nội dung cần làm rõ, cần chất vấn,....	<i>Bổ sung thêm nội dung về phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và TGD.</i>
Điều 17. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần	3. Kỷ luật - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	3. Kỷ luật Bỏ nội dung này vì đã quy định cụ thể ở các nội dung khác tại khoản 3 này	

vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác			
Phụ lục 01			
Điều 9. Cách thức bỏ phiếu bầu cử điện tử (Phụ lục 1)	b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: - Điều lệ Công ty không có quy định việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức thông thường (bầu theo nguyên tắc đa số) thông qua phiếu bầu cử với 03 (ba) lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến. Việc bầu sẽ thực hiện lần lượt theo từng ứng cử viên hoặc toàn bộ ứng cử viên; cổ đông thể hiện ý kiến của mình bằng việc lựa chọn vào nội dung tương ứng trên Phiếu bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế, Thể lệ bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua. Mỗi ý kiến của cổ đông được tính tỷ lệ trên toàn bộ số cổ phần của cổ đông đó. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp ĐHĐCĐ đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. - Sau đó, đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.	b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: Việc bầu cử thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được cài đặt tại hệ thống bầu cử điện tử tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Sau khi thực hiện bầu cử điện tử, đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.	<i>Điều chỉnh lại phù hợp với phương thức bầu dồn phiếu</i>
Điều 10. Cách thức kiểm phiếu (Phụ lục 1)	Khi đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo <u>nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến</u>. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các đại biểu tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.	Khi cổ đông/người được ủy quyền thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. Phiếu bầu cử được ghi nhận kết quả theo phương pháp bầu dồn phiếu. Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các đại biểu tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử và tham gia trực tiếp tại Cuộc họp ĐHĐCĐ.	<i>Sửa đổi phù hợp với thực tế.</i>

3- Quy chế hoạt động của HĐQT

Điều	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi bổ sung	Lý do sửa đổi bổ sung
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	3. <u>Từng</u> thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 80 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025</i>
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do <u>Điều lệ Công ty</u> quy định.	2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do <u>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</u> quy định.	<i>Sửa đổi phù hợp với thực tế.</i>
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	1. Hội đồng quản trị có 07 thành viên, <u>trong đó có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</u> , được quy định tại Khoản 1 và 3, Điều 26, Điều lệ Công ty.	1. Hội đồng quản trị có 07 thành viên. <u>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.</u>	<i>Sửa đổi để áp dụng cả trong trường hợp là công ty niêm yết.</i>
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không được làm thành viên HĐQT của quá 05 công ty;	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không được <u>đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên</u> của quá 05 công ty;	<i>Sửa đổi phù hợp với Khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025</i> <i>Trước đây đã sửa nội dung này trong Điều lệ và quy chế nội bộ nhưng chưa điều chỉnh trong quy chế hoạt động HĐQT</i>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại <u>Điều 27, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật</u> . Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do <u>luật pháp, Điều 27 Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định</u> . Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	<i>Sửa đổi phù hợp với điểm h khoản 2 Điều 27 Điều lệ</i>

quản trị	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;	h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ <u>30% của tổng giá trị tài sản có giá trị thấp hơn trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều lệ Công ty;</u>	
	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đồng thời giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư; chủ trương về nhân sự quản lý cho người đại diện vốn của DRI tại công ty có vốn góp của DRI trên 50% vốn điều lệ của công ty đó, để thực hiện các quyền biểu quyết, quyết định;	i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, <u>Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người phụ trách quản trị công ty, người đại diện phần vốn của DRI tại Doanh nghiệp khác, người tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác, chủ tịch công ty con do DRI sở hữu 100% vốn điều lệ. Cho chủ trương để Tổng giám đốc quy hoạch, ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật, điều động, luân chuyển với trưởng, phó các phòng ban Công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty con do DRI sở hữu 100% vốn điều lệ. Quyết định tiền lương, thưởng, thù lao và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty, người phụ trách quản trị công ty, người đại diện phần vốn của DRI tại Doanh nghiệp khác, người tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác, chủ tịch công ty con do DRI sở hữu 100% vốn điều lệ;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với điểm i khoản 2 Điều 27 Điều lệ hiện hành.</i>
	m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội	m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông <u>hoặc tài liệu</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với điểm m khoản 2 Điều 27</i>

	đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;	<u>lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</u>	<i>Điều lệ sửa đổi (trình bày tại Phụ lục 1).</i>
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản <u>theo quy định tại khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u>, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.</i>
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự <u>và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp với Điều lệ và khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.</i>



Đắk Lắk, ngày 01 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự (“Luật số 03/2022/QH15”);

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 (“Luật số 76/2025/QH15”);

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155/2020/NĐ-CP”);

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 245/2025/NĐ-CP”);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (“Thông tư số 116/2020/TT-BTC”);

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Các nội dung sửa đổi của Quy chế theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này).

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung trên và giao cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê chuẩn thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thạc Hoàn



PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Điều	Nội dung Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 điều 103 Luật Doanh nghiệp và <u>điều 3 của bản quy chế này</u>. b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác <u>phù hợp</u> theo quy định của pháp luật <u>chưa nêu</u> tại điều 103 của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại <u>điều 5</u> của Quy chế này. b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.	Sửa lỗi tham chiếu.
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và <u>theo khoản 4 điều 20 Điều lệ Công ty</u> .	14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi phù hợp với Mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC).</i>
Điều 22. Hiệu lực thi hành	Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2022.	Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày [...] tháng [...] năm 2026.	<i>Cập nhật ngày có hiệu lực thi hành của Quy chế.</i>

Hoàng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 09/09/2026 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk về việc chốt danh sách cổ đông và thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;
- Căn cứ Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của công ty, gồm những ông, bà có tên sau đây:

1. Ông Nguyễn Minh – Chủ tịch HĐQT – Trưởng ban
2. Ông Nguyễn Thạc Hoàn – Trưởng ban kiểm soát - Thành viên
3. Bà Bùi Thị Tuyết Nhung – Thư ký HĐQT, Trưởng phòng HCNSPC - Thành viên, Thư ký

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tổ chức thực hiện việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông theo Tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 01/10/2026 của Hội đồng quản trị và Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 01/10/2026 của Ban kiểm soát; bao gồm kết quả biểu quyết trực tuyến trên hệ thống lấy ý kiến cổ đông điện tử và kết quả biểu quyết trên các phiếu lấy ý kiến bằng văn bản được gửi về Công ty.

- Tổng hợp kết quả biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu theo quy định.

- Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước HĐQT và cổ đông về tính trung thực, chính xác của việc kiểm phiếu.

Điều 3: Ban kiểm phiếu tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN MINH